

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/DS-PT  
Ngày 17 - 4 - 2023  
V/v tranh chấp quyền đi qua  
bất động sản liền kề

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Minh Nguyệt

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Thanh Dũng

Ông Bùi Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Thân- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc “tranh chấp quyền đi qua bất động sản liền kề”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 196/2022/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1947; Địa chỉ: Số 3/14, Khóm 5, Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà B (tên gọi khác: B1), sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 1/2D, Khóm 6, Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông C, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số 1/2D, Khóm 6, Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

2. Bà C1, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Số 3/14, Khóm 5, Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông A trình bày: Ông có diện tích đất nuôi

trồng thủy sản, được UBND thị xã M (nay là thành phố M) cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AG 310354, ngày 02/11/2006, diện tích 3.528,7m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 19; Số G 878841, ngày 19/5/1997, diện tích 6.130m<sup>2</sup>, thửa đất số 422, tờ bản đồ số 01; Số G 788052, ngày 17/5/1997, diện tích 16.178m<sup>2</sup>, tại thửa đất các số 210, 216, 417, 465, 213, tờ bản đồ số 01. Các thửa đất tọa lạc tại Khóm 5 (nay là Khóm 6), Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu. Các phần đất trên nằm liền kề với nhau và tiếp giáp với kênh Thủy Lợi, thuộc Khóm 6, Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu. Trước đây, các phần đất này chủ yếu là trồng lúa và nuôi cá, đến khi cho chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản thì gia đình cũng chuyển đổi theo. Từ khi sử dụng các diện tích đất này, đến nay chuyển sang nuôi tôm và đi lại vận chuyển trực tiếp trên tuyến kênh trên. Từ năm 2016 cho đến nay, do tuổi cao nên ông chỉ nuôi tôm và cua theo mô hình quảng canh, mỗi tháng đến con nước thì mới vào để xả nước thu hoạch tôm, cua. Tuy nhiên, hiện nay khu vực bờ kênh để đi vào phần đất đã bị gia đình bà B (có phần đất nằm ở đầu ngoài và đầu sau tiếp giáp với đất ông) làm hàng rào trên bờ kênh Thủy Lợi chắn hết phần đường đi để vào phần đất vuông, gây khó khăn cho việc đi lại thăm nom, chăm sóc vuông tôm của gia đình ông.

Nay, ông yêu cầu Tòa án buộc bà B mở lối đi và công nhận cho ông phần lối đi ngang 01 mét, dài 100,48 mét, diện tích 100,4m<sup>2</sup> tọa lạc tại Kênh Thủy Lợi, thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 03 (theo Biên bản xem xét thẩm định do Toà án và các cơ quan chuyên môn lập ngày 02/6/2022 và theo Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu lập ngày 23/8/2022) tại Khóm 5, Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, để tạo điều kiện có lối đi vào vuông tôm. Ông đồng ý trả bà B giá trị phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Theo bị đơn bà B trình bày: Gia đình bà có diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, tiếp giáp với diện tích đất của ông A. Phần diện tích đất của ông A nằm phía trong đất của bà, bà xác định đất ông A chỉ giáp 01 mặt của đất bà ở hướng Nam; Còn đất phía sau hậu của ông A giáp với đất của cha bà là ông D (Cạnh hướng Bắc đất của ông A, hiện do vợ chồng bà thuê của ông D để làm); Cạnh hướng Đông đất của ông A giáp đất của ông D1 và ông D; Phần còn lại của đất ông A ở hướng Tây giáp đường mương thoát nước. Trước đây, ông A muốn đi vào đất của ông A thì gia đình bà có cho ông A đi nhờ phần đất cặp kênh thủy lợi, nhưng ông A cho nhiều người đi vào đất, gia đình bị mất tài sản hoài nên bà đã rào lại. Hơn nữa, gia đình bà dự định nuôi tôm công nghệ cao nên không cho người lạ vào đất, nếu ông A muốn vào đất thì bà cũng tháo rào cho ông A vào, không đồng ý cho ông A đưa người lạ đi ngang phần đất của bà. Do đó, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông A yêu cầu bà di dời hàng rào, công nhận phần lối đi chung ngang 01 mét, dài 100,48 mét, diện tích 100,4m<sup>2</sup> tọa lạc tại Kênh Thủy Lợi thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 03 (theo Biên bản xem xét thẩm định do Toà án và các cơ quan chuyên môn lập ngày 02/6/2022), Khóm 5, Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, hoặc trả giá trị đất cho bà phần diện tích đất trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C trình bày: Thống nhất trình bày của vợ là bà B; Không đồng ý yêu cầu khởi kiện ông A.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà C1 tại Biên bản ghi lời khai ngày 26/9/2022 thể hiện: Thông nhất trình bày của ông A, đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông A.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 196/2022/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A yêu cầu mở lối đi đối với bà B.

2. Buộc bà B và ông C phải mở một lối đi diện tích 100,4m<sup>2</sup> một phần thửa số 131, tờ bản đồ số 03 tại Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu cho ông A sử dụng làm lối đi, có vị trí như sau:

- Hướng đông giáp bà B, có số đo là 100,48m.

- Hướng tây giáp mương thoát nước (Kênh công cộng), có số đo là 100,48m.

- Hướng nam giáp đất ông A, có số đo là 01m.

- Hướng bắc giáp Kênh thủy lợi (bảo lưu kênh R:5.00m), có số đo là 01m.

(Kèm Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu lập ngày 23/8/2022).

3. Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, kê khai đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Buộc ông A có trách nhiệm đền bù cho bà B giá trị diện tích đất dùng để mở lối đi là 55.220.000 đồng (Năm mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).

5. Bà B và ông C phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 và các cột gỗ nằm trên diện tích mở lối đi nêu trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10 tháng 11 năm 2022, bị đơn bà B kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B giữ nguyên kháng cáo.

*Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 196/2022/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Tòa án

nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đi qua bất động sản liền kề.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C có mặt, bà C1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[3] Về nội dung: Căn cứ các biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày ngày 02/6/2022 (BL 83-86), diện tích đất tranh chấp (lối đi) thuộc một phần thửa số 131, tờ bản đồ số 03, diện tích 100,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp bà B, có số đo là 100,48m.
- Hướng Tây giáp mương thoát nước (Kênh công cộng), có số đo là 100,48m.
- Hướng Nam giáp đất ông A, có số đo là 01m.
- Hướng Bắc giáp Kênh thủy lợi (bảo lưu kênh R:5.00m), có số đo là 01m.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn ông A yêu cầu bà B mở lối đi ngang 01 mét, dài 100,48 mét, diện tích 100,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 03 tại Khóm 5, Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình xét xử tại cấp sơ, tất cả các đương sự đều thống nhất ông A canh tác trên đất nuôi trồng thủy sản của ông A đều phải đi nhờ trên đất của bà B cặp khu vực bờ kênh để vào đất ông A, bởi lẽ, trên thực tế ông A không còn lối đi nào khác vào đất của ông A, kể cả mương thoát nước (Kênh công cộng) các đương sự xác định hiện đã bị bồi lắng, mực nước thấp, không thể đi vào bằng xuồng, ghe trên kênh này. Đây là tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thống nhất thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự: *“Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ”*. Xét thấy, hiện nay gia đình bà B đã làm hàng rào trên bờ kênh Thủy Lợi chắn hết phần đường đi để vào phần đất nuôi trồng thủy sản của ông A. Tại cấp

sơ thẩm, bà B và ông C đồng ý cho ông A đi vào vuông tôm trên phần đất như từ trước đến nay, nhưng mỗi lần ông A cần đi vào phần đất nuôi trồng thủy sản của ông A thì ông C, bà B sẽ mở hàng rào cho ông A đi vào. Ông C, bà B cho rằng rào đất lại với mục đích không cho người lạ vào sợ mất tài sản. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, ông C và bà B cương quyết không đồng ý cho ông A sử dụng phần đường đi từ trước đến nay để vào phần đất nuôi trồng thủy sản của ông A. Xét thấy, việc ông C và bà B rào chắn lối đi vào phần đất nuôi trồng thủy sản của ông A đã làm ảnh hưởng rất lớn đến quá trình canh tác thủy sản của ông A nên ông A có quyền yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề là phù hợp quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm đã có xem xét, đánh giá chứng cứ, cân nhắc việc mở lối đi theo yêu cầu của ông A với diện tích ngang 01m x dài 100,48m từ bảo lưu kênh thủy lợi R:5.00m đến đất nuôi trồng thủy sản của ông A là không ảnh hưởng đến các ao nuôi tôm của ông C, bà B, không ảnh hưởng đến việc canh tác của các đương sự và được coi là thuận lợi, hợp lý, thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản mở lối đi.

[6] Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý với án sơ thẩm, yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Như đã phân tích trên, xét nhu cầu mở một lối đi hợp lý trên phần đất của bị đơn để đi vào phần đất nuôi trồng thủy sản của nguyên đơn là yêu cầu chính đáng, được pháp luật quy định rõ ràng, cấp sơ thẩm cũng đã tuyên buộc nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho bị đơn giá trị 100,4m<sup>2</sup> đất thành tiền là 55.220.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự: “... *Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền ...*”. Tại cấp phúc thẩm, bà B không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/3/2023, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh một số vấn đề liên quan đến vị trí đất tranh chấp. Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2023, thẩm phán và đại diện chính quyền địa phương đã khảo sát thực tế vị trí đất tranh chấp, theo đó, không có lối đi nào khác đi vào phần đất của ông A, phần đất của bà B, ông C sử dụng kênh thủy lợi để canh tác đất, không sử dụng kênh công cộng để canh tác, không bị ảnh hưởng bởi lối đi. Như vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn là có căn cứ, đã đánh giá đầy đủ chứng cứ khách quan, toàn diện, đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Sửa Bản án số 196/2022/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đi qua bất động sản liền kề. Hội đồng xét xử xét thấy, đại diện Viện kiểm sát cho rằng ngoài lối đi được Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì con kênh công cộng có thể cải tạo, mức kênh để làm lối đi. Tuy nhiên, căn cứ Biên bản xác minh ngày 30/3/2023, thẩm phán và đại diện chính quyền địa phương đã khảo sát thực tế vị trí đất tranh chấp thể hiện tuy nguồn gốc kênh công cộng là do các hộ dân lân cận tự phát đào để sử dụng nhưng lâu ngày đã thành kênh công cộng, việc muốn nạo vét phải được nhà nước cho phép. Kênh

công cộng hiện nay đã khô cạn, kênh hẹp và sâu nên không thể lưu thông, chiều dài kênh 100m nên chi phí cải tạo là rất lớn. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm tuy ông C, bà B cho rằng con kênh công cộng thuộc quyền sử dụng của bà B nhưng ông bà thừa nhận không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với con kênh, điều này phù hợp thực tế không hộ dân nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với con kênh công cộng nên chính quyền địa phương xác định muốn nạo vét kênh phải được nhà nước cho phép là đúng quy định, hoàn toàn không mâu thuẫn như ý kiến của Viện kiểm sát. Như vậy, không còn lối đi nào khác để vào phần đất của ông A như cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ, đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[9] Về án phí: do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà B; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 196/2022/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 245, 248, 254, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; Điều 27; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A đối với bà B về việc yêu cầu mở lối đi.

2. Buộc bà B và ông C phải mở một lối đi diện tích 100,4m<sup>2</sup> một phần thửa số 131, tờ bản đồ số 03 tại Phường 2, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu cho ông A sử dụng làm lối đi, đất có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp bà B, có số đo là 100,48m.

- Hướng Tây giáp mương thoát nước (Kênh công cộng), có số đo là 100,48m.

- Hướng Nam giáp đất ông A, có số đo là 01m.

- Hướng Bắc giáp Kênh thủy lợi (bảo lưu kênh R:5.00m), có số đo là 01m.

*(Kèm Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu lập ngày 23/8/2022).*

3. Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Buộc ông A có trách nhiệm đền bù cho bà B giá trị diện tích đất dùng để mở lối đi là 55.220.000 đồng *(Năm mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)*.

5. Buộc bà B và ông C phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 và các cột gỗ nằm trên diện tích mở lối đi nêu trên.

6. Chi phí xem xét thẩm định, định giá: Bà B và ông C phải chịu số tiền 8.911.000 đồng *(Tám triệu, chín trăm mười một nghìn đồng)*. Ông A đã dự nộp 8.911.000 đồng *(Tám triệu, chín trăm mười một nghìn đồng)* chi phí hết, nên buộc bà B và ông C cùng có nghĩa vụ trả lại cho ông A số tiền 8.911.000 đồng *(Tám triệu, chín trăm mười một nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

7. Về án phí:

7.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Ông A không phải chịu án phí, ông A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0007532 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

7.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm. Bà B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu số 0008081 ngày 10/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M được chuyển thu án phí toàn bộ.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND thành phố M (01 bản);
- CCTHADS thành phố M (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

**Châu Minh Nguyệt**